TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày: 19 – 7 – 2019
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Chí Tâm.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lại Thiện Phong
2. Ông Lê Văn Nải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Quách Văn Quy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Lê Huyền Mao – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-DS ngày 21/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Ông **Ngô Chí L**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Lời trình bày của bà Lê Thị V trong đơn khởi kiện ngày 06/7/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Tôi có phần đất vườn tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B. Diện tích khoảng 2.300m^2 (đo đạc thực tế là 1.766m^2), tại thửa 589, tờ bản đồ số 15. Tại phần đất này tôi có trồng một số cây Bạch Đàn vào năm 2006. Đến năm 2013 (tôi không nhớ rõ ngày tháng nào), ông Ngô Chí L, trú tại Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B. Đến đốn 42 cây của tôi, mỗi cây có kích thước, chu vi từ 40cm - 60cm. Khi ấy

tôi có can ngăn nhưng ông Ngô Chí L vẫn đốn cây. Sau vụ việc đó, tôi có báo với chính quyền địa phương ấp Ninh Điền và Công an xã Ninh Quới. Sau đó ông Nguyễn Văn Lanh Công an ấp Ninh Điền và ông Nguyễn Cao Ly đại diện Công an xã Ninh Quới đến xem xét và lập biên bản ghi nhận, giải quyết sự việc.

Vào ngày 09/11/2017, ông L đến phần đất nói trên của tôi nhổ 60 cây Tràm Đà Lạc do tôi trồng được khoảng hơn 03 tháng tuổi. Tôi có trình báo sự việc với Ban Công an xã Ninh Quới. Sau đó 02 ngày (tức ngày 11/11/2017), có ông Diệp Văn Thọ Trưởng Công an và Nguyễn Văn Khởi Công an Viên, xã Ninh Quới đến xác minh và lập biên bản vụ việc.

Vào ngày 15/03/2018, ông L thuê 07 thanh niên dùng dao chặt hạ làm hư hỏng của tôi 389 cây Tràm Đà Lạt do tôi trồng được hơn 06 tháng tuổi. Ngoài ra, ông L còn cho người xịt thuốc trừ cỏ (khai hoan) lên toàn bộ phần đất nêu trên của tôi. Tôi có trình báo vụ việc với Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới, vào ngày 16/03/2018, có ông Diệp Văn Thọ Trưởng Công an xã, ông Đỗ Hàng Nhí cán bộ Tư pháp xã và ông Nguyễn Văn Lanh Công an ấp Ninh Điền có đến xem xét và lập biên bản vụ việc.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xem xét, giải quyết buộc ông Ngô Chí L phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho tôi. Do ông Ngô Chí L có hành vi đốn 42 cây Bạch Đàn của tôi mang về sử dụng, nhổ 60 cây Tràm Đà Lạt của tôi trồng được hơn 03 tháng tuổi, chặt bỏ 389 cây Tràm Đà Lạt của tôi trồng được hơn 06 tháng tuổi. Tổng thiệt hại của tôi là 6.000.000 đồng. Do đó, tôi yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Ngô Chí L bồi thường cho tôi 6.000.000 đồng. Tôi không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định giá tài sản thiệt hại.

Tại phiên tòa hôm nay bà V xác định đối với 42 cây Bạch Đàn bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Bà chỉ yêu cầu ông L bồi thường 60 cây Tràm Đà Lạt hơn 03 tháng tuổi, 389 cây Tràm Đà Lạc hơn 06 tháng tuổi. Bằng tổng thiệt hại là 6.000.000 đồng. Trong đó bao gồm tiền mua cây giống, và chi phí cho việc làm cỏ, trồng cây và công chăm sóc cây.

Ngoài ra, bà V không còn yêu cầu nào khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ngô Chí L trình bày như sau:

Phần đất mà bà V trồng cây Tràm Đà Lạt mà tôi chặt bỏ có nguồn gốc là do tôi nhận chuyển nhượng của ông Đổ Văn Du (con ruột bà V) vào khoảng đầu tháng 11 năm 2012. Loại đất vườn tạp, tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B. Diện tích khoảng 2.300m^2 (đo đạc thực tế 1.766m^2), tại thửa số 589, tờ bản đồ số 15. Trước khi tôi nhận chuyển nhượng đất này thì phần đất này do ông Du là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Khi tôi nhận chuyển nhượng thì trên đất có khoảng 40 cây Bạch Đàn kích thước chu vi khoảng 40cm đến 60cm và một số tây tạp khác như Bình Bác và cỏ dại chứ không có cây cối nào khác. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng vào khoảng đầu tháng 11/2012 thì đến ngày 23/11/2012 tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi ký hợp đồng chuyển nhượng đất và giao trả đủ tiền cho ông Du thì tôi được toàn quyền sử dụng phần đất này. Sau khi chuyển nhượng đất

xong ông Du yêu cầu tôi cho chuộc lại đất tôi không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án từ ngày 09/6/2014 cho đến khi cấp phúc thẩm xét xử và án có hiệu lực là ngày 24/8/2016. Tôi là người thắng kiện (không hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa tôi với ông Du). Trong khoảng thời gian từ khi nhận chuyển nhượng đến khi đang tranh chấp cho đến nay tôi vẫn là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất nhưng khi canh tác đất thì bị bà V ngăn cản không cho tôi sử dụng. Cụ thể, ngày 20/3/2014 tôi cậm trụ đá và làm hàng rào kẻm gai bao quanh phần đất thì bà V ra nhổ trụ đá, phá hủy hàng rào của tôi. Khi đó tôi có báo chính quyền xã Ninh Quới đến lập biên bản (Địa chính, kết hợp Công an xã đến lập biên bản). Đến ngày 25/10/2016 tôi cậm trụ đá và làm hàng rào bằng kẻm B40 bao quanh phần đất thì bà V cũng đến nhổ trụ đá, phá hủy hàng rào của tôi. Khi đó tôi có báo chính quyền xã Ninh Quới đến lập biên bản (Địa chính, kết hợp Công an xã đến lập biên bản). Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực vào ngày 24/8/2016 thì đến ngày 10, 11, 12 tháng 8 năm 2017 bà V đến phần đất này trồng cây Tràm Đà Lạt. Khi đó tôi cũng báo chính quyền xã Ninh Quới đến lập biên bản (Địa chính, kết hợp Công an xã đến lập biên bản) nhưng bà V bất chấp, bà vẫn trồng cây, số lượng tôi không xác định được. Sau khi bà V trồng cây thì đến ngày 15/3/2018 tôi có thuê 07 người chặt bỏ toàn bộ số cây bà V đã trồng nhưng số lượng cây bị chặt là bao nhiêu tôi không xác định được. Khi chặt cây thì cây được khoảng 06 đến 07 tháng tuổi (chiều cao của cây khoảng 01m). Sau khi chặt cây xong tôi có phun thuốc trừ cỏ (khai hoan) lên toàn diện tích đất của tôi mà bà V trồng cây lên đó. Ngoài lần này ra thì tôi không có lần nào chặt cây, nhổ cây của bà V trồng trên đất tôi. Tôi không có đốn 42 cây Bạch Đàn của bà V mang về sử dụng, không nhổ bỏ 60 cây Tràm Đà Lạt hơn 03 tháng tuổi của bà V. Bảy thanh niên mà tôi thuê đốn cây là người ở địa phương khác đi bóc vát thuê cho ghe vật liệu xây dựng đang lên vật liệu cho tôi thì tôi thuê luôn, tôi không biết tên ai và họ ở đâu.

Ngoài những lần bà V phá hàng rào của tôi, trồng cây trên đất của tôi, bà V còn nhiều lần đến phần đất này của tôi làm cỏ, phát hoan và những lần như thế tôi đều có báo với chính quyền xã Ninh Quới đến lập biên bản.

Đối với yêu cầu của bà V như trên tôi không chấp nhận, không đồng ý bồi thường cho bà V. Vì đất là của tôi mà bà V tự ý đến trồng cây trên đất tôi thì tôi có quyền chặt bỏ.

Vào ngày 20/02/2019 tôi có đơn yêu cầu phản tố đối với bà V về việc yêu cầu bà V bồi thường thiệt hại về tài sản cho tôi bằng số tiền là 6.505.000 đồng. Nay tôi yêu cầu được rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố.

Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện, tuân theo đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trường hợp yêu cầu phản tố

của ông L có liên quan đến ông Đỗ Văn Toàn nhưng Thẩm phán không đưa ông Toàn tham gia tố tụng là không đúng quy định pháp luật nhưng ông L đã rút yêu cầu phản tố nên điều đó không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Do đó, chỉ kiến nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 26; Điều 35, Điều 39, Điều 217, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị V yêu cầu ông Ngô Chí L bồi thường thiệt hại tài sản bằng số tiền 6.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Ngô Chí L yêu cầu bà Lê Thị V bồi thường thiệt hại tài sản bằng số tiền 6.505.000 đồng.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị V có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, bà V có đơn đề nghị miễn án phí và bà V thuộc trường hợp được miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về trình tự thủ tục tố tụng:

Xét về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và bị đơn cư trú tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Lê Thị V xác định đối với 42 cây Bạch Đàn bà không tiếp tục yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Bà Lê Thị V cho rằng bà trồng 1.000 cây Tràm Đà Lạt trên phần đất của mình tại thửa đất số 589, tờ bản đồ số 15, khi cây được khoảng 03 tháng tuổi ông L đến nhổ 60 cây, khi cây được khoảng 06 tháng tuổi thì ông Ngô Chí L thuê người chặt 389 cây làm thiệt hại của bà tổng cộng là 449 cây bằng số tiền là 6.000.000

đồng. Nay bà yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại cho bà 6.000.000 đồng là tiền mua cây giống, công làm cỏ, trồng cây, chăm sóc cây.

Xét về nguồn gốc phần đất mà bà V trồng cây: Đây là phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Ngô Chí L. Nguồn gốc đất là của ông Đổ Văn Du (con ruột bà V) chuyển nhượng lại cho ông Ngô Chí L vào khoảng đầu tháng 11 năm 2012. Ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/11/2012. Sau khi chuyển nhượng đất thì giữa ông Du với ông L phát sinh tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà V là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bà V xác định phần đất này là của bà cho con là ông Đổ Văn Du mượn sử dụng nhưng ông Du tự ý chuyển nhượng cho ông L. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử sơ thẩm ngày 27/5/2016 và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm ngày 24/8/2016. Bản án hai cấp đều tuyên xử không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Du với ông L, công nhận quyền sử dụng phần đất này cho ông L.

Xét về hành vi trồng cây của bà V: Bà V xác định bà trồng cây vào khoảng giữa năm 2017. Căn cứ vào nội dung biên bản "về việc chiếm đất" của Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới thì bà V trồng cây vào ngày 09/8/2017. Như vậy, thời điểm bà V trồng cây là sau khi tranh chấp về đất giữa ông L với ông Du đã được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Khi bà V trồng cây trên đất này thì ông L không đồng ý đã ngăn cản bà V trồng cây và báo với chính quyền địa phương can thiệp. Sự việc được Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới lập biên bản "về việc chiếm đất", biên bản được lập vào ngày 27/11/2017. Tại biên bản này thể hiện nội dung là vào ngày 09/8/2017 bà V trồng Tràm Đà Lạt, làm hàng rào tại thửa đất số 589, tờ bản đồ số 15. Chính quyền xã Ninh Quới có yêu cầu bà V nhổ cây đã trồng và hàng rào để trả lại hiện trạng đất cho ông L. Tại phiên tòa, bà V cũng thừa nhận chính quyền địa phương có lập biên bản yêu cầu bà không được trồng cây trên phần đất của ông L. Như vậy, việc bà V tự ý trồng cây trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông L là không đúng quy định pháp luật và đó là lỗi của bà V.

Xét về hành vi chặt cây của ông L: Ông L thừa nhận sau khi bà V trồng cây trên phần đất của mình thì đến ngày 15/3/2018 ông có thuê 07 người chặt bỏ toàn bộ số cây bà V đã trồng nhưng số lượng cây bị chặt là bao nhiêu ông không xác định được. Khi chặt cây thì cây được khoảng 06 đến 07 tháng tuổi (chiều cao của cây khoảng 01m). Dù thừa nhận chặt cây của bà V trồng nhưng ông L không đồng ý bồi thường. Bởi vì, ông cho rằng bà V cố ý trồng cây trên phần đất của ông. Việc thừa nhận chặt cây như trên của ông L được xem là sự thật nên bà V không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, căn cứ vào công văn số 01/CANQ ngày 04/01/2019 của Công an xã Ninh Quới và Biên bản xác minh thực tế lập ngày 11/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới thì có đủ cơ sở xác định ông L có đớn 42 cây Bạch Đàn kích cở 40-60cm và nhổ 60 cây Tràm Đà Lạt hơn 03 tháng tuổi trồng trên thửa đất số 589, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B do ông Ngô Chí L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét về thiệt hại tài sản mà bà V yêu cầu: Bà V đưa ra mức thiệt hại là 6.000.000 đồng. Bà xác định đây là thiệt hại thực tế từ việc mua cây giống, chi phí làm cỏ, trồng cây, chăm sóc cây. Bà V đưa ra mức thiệt hại nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho mức thiệt hại đó của bà là có và đúng thực tế. Quá trình giải quyết vụ án bà V cũng không yêu cầu Tòa án định giá thiệt hại tài sản. Như vậy, mức thiệt hại mà bà V yêu cầu là không đủ cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở xác định vào tháng 8 năm 2017 bà V tự ý trồng cây Tràm Đà Lạt trên thửa đất số 589, tờ bản đồ số 15 của ông Ngô Chí L. Khi cây được khoảng 03 tháng tuổi thì ông L nhổ bỏ 60 cây, đến cây được khoảng 06 tháng tuổi ông L tiếp tục thuê người chặt bỏ 389 cây. Hành vi chặt và nhổ cây của ông L tuy có gây thiệt hại cho bà V nhưng ông L không phải chịu trách nhiệm bồi thường. Do bà V cố ý trồng cây trên đất của ông L thì đây là lỗi của bà V nên ông L không có nghĩa vụ bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 584 Bộ luật dân sự "*Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.*".

Như vậy, với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Lê Thị V là không đủ cơ sở chứng cứ và căn cứ pháp luật để chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu phản tố của ông Ngô Chí L: Vào ngày 20/02/2019 ông L có đơn yêu cầu phản tố đối với bà Lê Thị V về việc yêu cầu bà V bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông bằng số tiền là 6.505.000 đồng. Ngày 14/6/2019 ông L có đơn yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố. Xét thấy, việc rút yêu cầu phản tố của ông L là tự nguyện không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 đình chỉ yêu cầu phản tố của ông L.

[3] Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc bà Lê Thị V phải chịu theo quy định pháp luật. Nhưng bà V sinh năm 1949 đến nay bà hơn 60 tuổi nên thuộc diện người cao tuổi và bà có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí. Do đó, cần chấp nhận đề nghị này của bà, miễn nộp tiền án phí cho bà Lê Thị V.

Ông Ngô Chí L không phải chịu án phí. Ông Ngô Chí L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006086 ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân trong giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 2, 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị V yêu cầu ông Ngô Chí L bồi thường thiệt hại tài sản bằng số tiền 6.000.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Ngô Chí L yêu cầu bà Lê Thị V bồi thường thiệt hại tài sản bằng số tiền 6.505.000 đồng.

3. Về án phí: Bà Lê Thị V có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng bà V có đơn đề nghị miễn án phí và bà V thuộc trường hợp được miễn án phí nên miễn nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Lê Thị V.

Ông Ngô Chí L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006086 ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Chí Tâm